TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST Ngày 21-8-2025 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Phước
2. Ông Dư Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 29/7/1990 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường D, phường P, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành P, sinh ngày 27/7/1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường T, phường P, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Võ Thành P quen biết tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2008, quyển số 01, ngày 06/03/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 05 năm đến tháng 01/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau trong lối sống, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vả dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời

gian chung sống bà V và ông P có 01 người con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 09/9/2009, hiện đang sống cùng bà V. Quá trình chung sống bà V và ông P không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung. Nay bà Nguyễn Thị Kim V yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Thành P.

- Về con chung: Sau khi ly hôn bà V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Võ Kim N, (nữ, sinh ngày 09/9/2009) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V tự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn, ông Võ Thành P từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim V: Về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim V và ông Võ Thành P không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, Thành phố Cần Thơ) theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 05 năm đến tháng 01/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau trong lối sống, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vả dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn bà V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Võ Kim N, (nữ, sinh ngày 09/9/2009) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N hiện nay đang sinh sống với bà V, về tâm sinh lý phát triển bình thường. Để tránh xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao cháu N cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, [4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim V tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim V và ông Võ Thành P .

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao chung tên Võ Kim N (nữ, sinh ngày 09/9/2009) cho bà Nguyễn Thị Kim V được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Võ Thành P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thành P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim V tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000448 ngày 23/6/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Cần Thơ); bà Nguyễn Thị Kim V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND KV 5 - CT;
- Phòng THADS KV5 - CT;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền